

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HS-ST

Ngày: 28-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hương;

Ông Dương Công Danh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Võ Thanh T, sinh năm: 1993 tại tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Thanh T1, sinh năm: 1972 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1976; vợ, con: chưa có.

Tiền sự: không có.

Tiền án:

- Ngày 09/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ngày 04/02/2019 chấp hành xong hình phạt tù, chưa xóa án tích.

- Bản án số 74/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 05/5/2021, chưa xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/10/2024 đến ngày 11/10/2024 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Trần L, sinh năm: 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. [Nguyễn Quốc T2](#), sinh năm: 2000. (có mặt)

Địa chỉ: [Ấp I, xã L, huyện B, tỉnh Long An](#).

2. [Nguyễn Thị N1](#), sinh năm: 1951. (có mặt)

Địa chỉ: [Ấp I, xã L, huyện B, tỉnh Long An](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 04/3/2023, [Võ Thanh T](#) đến [xã A, huyện B](#) chơi thì gặp [Nguyễn Quốc T2](#) là bạn bè ngoài xã hội. [T](#) nói cho [T2](#) cây mai, kêu [T2](#) chạy về nhà [T](#) ở [Ấp D, xã T, huyện B](#) xem mai. Cho nên, [T2](#) điều khiển xe mô tô Biển số 62N1-665.11 chở [T](#) về nhà. Sau khi [T](#) cho [T2](#) xem cây mai đã bứng gốc sẵn, [T](#) nói đi mua băng keo quấn gốc lại, [T2](#) đồng ý nên [T](#) điều khiển xe mô tô Biển số 62N1-665.11 chở [T2](#) ngồi sau đi từ [xã T đến Đường L - 3 xã M, huyện B](#) tìm tiệm tạp hóa mua băng keo. Lúc này, [T](#) phát hiện chị [Nguyễn Trần Lê điều K](#) xe đạp điện chạy phía trước cùng chiều, trên rổ xe có đồ giỏ xách, nghĩ có tiền và điện thoại nên [T](#) nảy sinh ý định giật giỏ xách. [T](#) ghé tiệm tạp hóa mua 02 khẩu trang, [T](#) kêu [T2](#) đeo vô, [T2](#) hỏi đeo làm gì thì [T](#) không trả lời. [T](#) điều khiển xe bám theo xe đạp chị [L](#). Sau đó, [T](#) tăng ga áp sát bên trái xe đạp, nhanh chóng dùng tay trái giật giỏ xách rồi tăng ga tẩu thoát. Lúc này chị [Lê truy H](#) “cướp”, còn [T2](#) la lớn “xe của nội em, anh làm vậy chết rồi”. [T](#) kêu [T2](#) im lặng ngồi im để [T](#) chạy về hướng [Ấp A, xã T](#), [T](#) dừng xe kiểm tra giỏ xách và lấy 01 điện thoại Samsung bỏ túi quần. [T](#) đưa xe cho [T2](#) chạy, kêu [T2](#) chở [T](#) lên [huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh](#) bỏ trốn. [T](#) cầm theo giỏ xách bỏ đi, [T](#) đem điện thoại Samsung A02, màu xanh đen bán được 1.300.000 đồng và sử dụng tiền tiêu xài cá nhân hết. [T2](#) chạy về nhà đến ngày 06/3/2023 đến [Công an xã M](#) trình báo và tố giác hành vi cướp giật của [T](#). [T](#) sau khi giật giỏ xách bỏ trốn nhiều nơi đến ngày 08/10/2024 bị bắt theo Lệnh truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện B](#).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện B](#) tạm giữ vật chứng và xử lý như sau: 01 quần sooc Jean ngắn, màu xanh, 01 áo thun ngắn tay màu đen, 01 nón vải lưới màu đỏ-đen của [Nguyễn Quốc T2](#), hiện đã trả lại đồ vật cho [T2](#); 01 xe mô tô Biển số 62N1-665.11 thuộc sở hữu của bà [Nguyễn Thị N1](#) đã trả lại xe cho bà [N1](#). Đối với giỏ xách bằng vải màu trắng, hồng không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 15/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự [huyện B](#), tiến hành định giá và kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A02, màu xanh đen, trị giá 1.650.000 đồng; 01 túi xách bằng vải màu trắng, hồng, không còn giá trị, tổng giá trị tài sản: 1.650.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận định giá này.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKSBL, ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức đã truy tố bị cáo [Võ Thanh T](#) về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo xác định Cáo trạng mô tả là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện. Bị cáo xác định Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là không oan.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Phản tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo [Võ Thanh T](#) phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo [Võ Thanh T](#) từ 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585 và 589 Bộ luật Dân sự.

Bị hại là chị [Nguyễn Trần Lê yêu C Võ Thanh T](#) bồi thường số tiền 23.250.000 đồng gồm tiền 21.600.000 đồng và giá trị 01 điện thoại Samsung là 1.650.000 đồng và bị cáo đồng ý, nên buộc bị cáo bồi thường số tiền này cho bị hại.

4. Buộc bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện B](#), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt. Tuy nhiên, cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai của họ, việc vắng mặt của bị hại không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả. Bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với tất cả các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 04/3/2023, [Võ Thanh T](#) điều khiển xe mô tô Biển số 62N1-665.11 chở [Nguyễn Quốc T2](#) trên [đường L xã M, huyện B](#). [T](#) phát hiện chị [Nguyễn Trần Lê C1](#) xe đạp điện phía trước, trên xe có giỏ xách bằng vải màu trắng, hồng bên trong có 21.600.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung A02, màu xanh đen, trị giá 1.650.000 đồng, tổng giá trị tài sản: 23.250.000 đồng. [T](#) tự ý áp sát bên trái xe đạp chị [L](#), tay trái Tân giật túi xách tẩu thoát, [T2](#) phản ứng thì bị [T](#) đe dọa. Sau đó, [T2](#) đến trình báo [Công an xã M](#) tố giác hành vi của [T](#), [T](#) bỏ trốn đến ngày 08/10/2024 bị bắt theo Lệnh truy nã. Tại Bản án số 74/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã xử phạt bị cáo [T](#) 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thuộc trường hợp tái phạm, chưa xóa án tích. Cho nên, bị cáo [T](#) phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo [Võ Thanh T](#) đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã biết rõ hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà bất chấp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc, cần phải có mức án tương xứng để nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, cũng phải xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết như phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy, phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa những hành vi vi phạm pháp luật có thể xảy ra trong xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy hình phạt chính đối với bị cáo là nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[9] Đối với [Nguyễn Quốc T2](#), xét thấy [T2](#) không cố ý cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản, sau khi vụ việc xảy ra [T2](#) có đến [Công an xã M](#) trình báo, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện B](#) không xem xét trách nhiệm hình sự đối với [T2](#) là phù hợp.

[10] Về dân sự:

Bị hại là chị [Nguyễn Trần Lê yêu C Võ Thanh T](#) bồi thường số tiền 23.250.000 đồng, gồm số tiền 21.600.000 đồng và giá trị 01 điện thoại Samsung là 1.650.000 đồng và bị cáo đồng ý, nên buộc bị cáo bồi thường số tiền này cho bị hại.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Võ Thanh T](#) phạm tội “Cướp giật tài sản”.
2. Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38; 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo [Võ Thanh T](#) 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 08/10/2024.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo [Võ Thanh T](#) 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo [Võ Thanh T](#) bồi thường cho chị [Nguyễn Trần Lê S](#) tiền 23.250.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Buộc bị cáo [Võ Thanh T](#) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.162.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ; án văn./.

Đoàn Thanh Lâm